

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ VĨNH CHÂU  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2020/DS-ST

Ngày: 24 - 9- 2020

*“V/v Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản và nợ hụi”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Võ Thị Hiếu.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Thái Trung Nghĩa;
2. Bà Nguyễn Huỳnh Hoa.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Đình Hưng, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu tham gia phiên Tòa:**  
Bà Phạm Thị Diệp – Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 74/2020/TLST-DS, ngày 14 tháng 5 năm 2020 về *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và nợ hụi”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2020/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2020/QĐST-DS ngày 01 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Hồ Thị Việt H, sinh năm 1968 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Nhà không số ấp N, xã L, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Anh Nguyễn Duy S, sinh năm 1981 (Có mặt).

Địa chỉ: Số nhà 45H đường L, Khóm F, Phường A, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

2. *Bị đơn:* - Bà Huỳnh Thị S, sinh năm 1975 (Có mặt).

- Ông Lâm Hồng K; sinh năm 1972 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Nhà không số ấp N, xã L, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện ngày 22/4/2020 của nguyên đơn Hồ Thị Việt H; Bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện do nguyên đơn ủy quyền anh Nguyễn Duy S trình bày:*

Bà Hồ Thị Việt H và bà Huỳnh Thị S có mối quan hệ quen biết, ở cùng địa phương, trong quá trình quen nhau, giữa hai bên có thực hiện các giao dịch sau:

\* Về vay: Vào ngày 20/9/2019 (al) bà Hồ Thị Việt H có cho bà Huỳnh Thị S vay 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng), mục đích vay bà S trình bày là để trang trải chi phí sinh hoạt gia đình. Khi vay, bà S có làm biên nhận nợ, lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng, thời hạn thanh toán là 6 tháng kể từ ngày vay. Từ ngày vay đến nay, bà S chỉ có thanh toán cho bà H được 10.000.000đ (mười triệu đồng) tiền lãi và ngưng không thanh toán gốc, lãi cho đến nay.

\* Về hụi: Bà Huỳnh Thị S làm đầu thảo hụi, bà H là hụi viên, có tham gia chơi hụi do bà S làm đầu thảo, các dây hụi như sau:

- Dây hụi khai ngày 05/5/2019 (al), hụi mỗi tháng xỏ 1 lần vào ngày 05 (al) tại nhà bà S, 2.000.000đồng/tháng/chân hụi, dây hụi có 45 chân, bà H tham gia 3 chân, đã đóng được 10 kỳ, còn hụi sống với số tiền là 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng).

- Dây hụi khai ngày 25/9/2018 (al), hụi mỗi tháng xỏ 1 lần vào ngày 25 (al) tại nhà bà S, 2.000.000đồng/tháng/chân hụi, dây hụi có 40 chân, bà H tham gia 2 chân, đã đóng được 18 kỳ, còn hụi sống với số tiền là 72.000.000đ (bảy mươi hai triệu đồng).

- Dây hụi khai ngày 20/3/2018 (al), hụi mỗi tháng xỏ 1 lần vào ngày 20 (al) tại nhà bà Son, 2.000.000đồng/tháng/chân hụi, dây hụi có 35 chân, bà H tham gia 3 chân. Bà H đã đóng hụi sống đến kỳ số 15 thì hốt 1 chân được 53.920.000đồng. Còn lại 2 chân hụi sống đã đóng được 24 kỳ với số tiền là 96.000.000đ (chín mươi sáu triệu đồng), nhưng do có nợ 1 chân hụi chết là 22.000.000đồng nên dây hụi này bà S nợ bà H là 74.000.000đ (bảy mươi bốn triệu đồng).

- Dây hụi khai ngày 10/8/2019 (al), hụi mỗi tháng xỏ 1 lần vào ngày 10 (al) tại nhà bà Son, 3.000.000đồng/ tháng/chân hụi, dây hụi có 38 chân, bà H tham gia 3

chân, đã đóng được 7 kỳ, còn hội sống với số tiền là 63.000.000đ (sáu mươi ba triệu đồng).

- Dây hội khui ngày 30/10/2019 (al), hội mỗi tháng xổ 1 lần vào ngày 30 (al) tại nhà bà S, 2.000.000đồng/ tháng/chân hội, dây hội có 40 chân, bà H tham gia 3 chân, đã đóng được 4 kỳ, còn hội sống với số tiền là 24.000.000đ (hai mươi bốn triệu đồng).

Toàn bộ các dây hội chưa mãn nhưng đến ngày 30/02/2020, bà S tuyên bố bế hội, không thanh toán số tiền hội nêu trên, nên còn nợ của bà H tiền hội là 293.000.000đ (hai trăm chín mươi ba triệu đồng). Bà H yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc vợ chồng bà Huỳnh Thị S – ông Lâm Hồng K phải thanh toán cho bà H toàn bộ số tiền cụ thể như sau: Tiền nợ hội còn thiếu là 293.000.000đ (hai trăm chín mươi ba triệu đồng) và tiền vay là 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi của khoản tiền vay là 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng).

Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa sơ thẩm, anh S là người đại diện theo ủy quyền của bà H thống nhất là bà H còn tham gia một dây hội ngày 15/5/2017 (al), là hội tháng 1.000.000đồng/tháng/chân hội, dây hội này chưa kết thúc nhưng do bế hội nên bà S ngưng hội, dây hội này có 40 chân hội, bà H tham gia 1 chân, bà H đã hốt hết và còn nợ hội chết của bà S 5.000.000đ (năm triệu đồng). Do đó, sau khi khấu trừ tiền hội chết của dây hội này thì S chỉ còn nợ bà H tiền hội là 288.000.000đ (hai trăm tám mươi tám triệu đồng). Đồng thời, anh S rút yêu cầu đối với khoản tiền lãi 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng). Hiện nay, anh S chỉ yêu cầu vợ chồng bà S – ông K thanh toán số tiền hội 288.000.000đ (hai trăm tám mươi tám triệu đồng) và tiền vay là 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng), không yêu cầu tính lãi suất.

Tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn giao nộp là: Bản sao Giấy chứng minh nhân dân và Sổ hộ khẩu của bà Hồ Thị Việt H; Bản photo biên bản hòa giải cơ sở của ban nhân dân ấp N, xã L vào ngày 19/4/2020; Đơn xác nhận nơi cư trú; Bản photo một mặt giấy kê học sinh có nội dung “*Huỳnh Thị S. tôi có nhận của mẹ 9 là 150.000.000đồng ngày 20/9/2019 có ký ghi họ tên Huỳnh Thị S*”; Bản tự khai của anh Nguyễn Duy S.

*Tại Biên bản lấy lời khai ngày 13/7/2020, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Huỳnh Thị S trình bày:*

Bà S và bà H có mối quan hệ cùng địa phương, từ nhiều năm nay. Bà S làm chủ hội từ năm 1996 đến nay, bà H là hội viên có tham gia chơi các dây hội cụ thể như sau:

- Dây hội ngày 20/3/2018 (al), hội tháng 2.000.000đồng/tháng/chân hội, dây hội này chưa kết thúc nhưng do bể hội nên bà S ngưng hội, dây hội này có 35 chân hội, bà H tham gia 3 chân, đã hốt 1 còn lại 2 chân hội sống, bà H đóng 24 lần là 96.000.000đ (chín mươi sáu triệu đồng). Dây hội này bà H có 1 chân hội chết, nợ hội chết của bà S là 22.000.000đ (hai mươi hai triệu đồng).

- Dây hội ngày 25/9/2018 (al), hội tháng 2.000.000đồng/tháng/ chân hội, dây hội này chưa kết thúc nhưng do bể hội nên bà S ngưng hội, dây hội này có 40 chân hội, bà H tham gia 2 chân, còn lại 2 chân hội sống, bà H đóng 18 lần là 72.000.000đ (bảy mươi hai triệu đồng).

- Dây hội ngày 30/10/2019 (al), hội tháng 2.000.000đồng/tháng/chân hội, dây hội này chưa kết thúc nhưng do bể hội nên bà S ngưng hội, dây hội này có 37 chân hội, bà H tham gia 3 chân, còn lại 3 chân hội sống, bà H đóng 4 lần là 24.000.000đ (hai mươi bốn triệu đồng).

- Dây hội ngày 05/5/2019 (al), hội tháng 2.000.000đồng/tháng/ chân hội, dây hội này chưa kết thúc nhưng do bể hội nên bà S ngưng hội, dây hội này có 45 chân hội, bà H tham gia 3 chân, còn lại 3 chân hội sống, bà H đóng 10 lần là 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng).

- Dây hội ngày 10/8/2019 (al), hội tháng 3.000.000đồng/tháng/ chân hội, dây hội này chưa kết thúc nhưng do bể hội nên bà S ngưng hội, dây hội này có 36 chân hội, bà H tham gia 3 chân, còn lại 3 chân hội sống, bà H đóng 7 lần là 63.000.000đ (sáu mươi ba triệu đồng).

- Dây hội ngày 15/5/2017 (al), hội tháng 1.000.000đồng/tháng/ chân hội, dây hội này chưa kết thúc nhưng do bể hội nên bà S ngưng hội, dây hội này có 40 chân hội, bà H tham gia 1 chân, bà H đã hốt hết và còn nợ hội chết của bà S 5.000.000đ (năm triệu đồng).

Do các hội viên khác hốt hội không đóng nên bà Son mới nợ hội của bà H với tổng số tiền là 288.000.000đ (hai trăm tám mươi tám triệu đồng).

Ngoài ra, trong quá trình chơi hội, các hội viên khác hốt hội, không đóng lại, bà S làm chủ hội phải có trách nhiệm nộp thay các chân hội này nên bị thâm nợ, do không có tiền để trang trải và trả hội nên bà S vay của bà Ho 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng), khoảng vay này bà H vay từ ngày 20/9/2018 (al), ban đầu chỉ thỏa thuận bằng lời nói, đến ngày 30/02/2020 (al) bà S ngưng hội thì 3 ngày sau bà H làm giấy sẵn kêu bà H ký, (lúc đó do rối ren nên không để ý mà ký nhận, sau đó nhìn lại thì thấy bà H ghi nợ năm 2019); lãi suất là 3%/tháng mỗi tháng đóng 4.500.000đ (bốn triệu năm trăm nghìn đồng) chia thành 2 lần vào ngày 10 và 20 hàng tháng, mục đích vay là để bù vô tiền hội do có người không đóng hội nên bà S bị thâm nợ.

Từ lúc vay đến khi bẻ hội, bà S đều đóng lãi hằng tháng cho bà H, không bỏ tháng nào. Tuy nhiên, khi nộp lãi chỉ có bà S đưa trực tiếp cho bà H, cũng không làm giấy tờ gì và không có ai biết, do đó bà S không có chứng cứ nào chứng minh là bà S có đóng lãi cho bà H, đồng thời bà S cũng không có yêu cầu gì đối với việc bà đã đóng lãi này.

Nay bà S cũng thừa nhận có nợ tiền hội và tiền vay tổng cộng là 438.000.000đ (bốn trăm ba mươi tám triệu đồng), bà S xin được gia hạn mỗi tháng trả 2.000.000đ (hai triệu đồng) cho đến khi dứt nợ, nếu nuôi tôm trúng thì trả nhiều hơn tùy theo khả năng.

Bà S chủ yếu là ở nhà nuôi tôm, làm công việc nội trợ gia đình, chồng bà ông Lâm Hồng K là giáo viên. Do từ năm 1996, bà S chủ yếu là làm chủ hội, mục đích là kiếm thêm tiền huê hồng để dùng chi tiêu, sinh hoạt trong gia đình, nuôi con đi học. Việc bà S làm chủ hội, ông K biết nhưng ông K là giáo viên, đi dạy học nên việc kêu hội, thu chi tiền hội ông K không tham gia cũng không biết gì. Tuy nhiên bà S khẳng định việc vay mượn, hay kêu hội cũng mục đích vì sinh hoạt cho gia đình chứ không phải bà S lấy tiền này làm việc trái pháp luật.

*- Đối với bị đơn ông Lâm Hồng K vắng mặt tại Tòa án và không có ý kiến hay trình bày gì gửi cho Tòa án.*

Chứng cứ Tòa án thu thập được là Biên bản lấy lời khai bà Huỳnh Thị S.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nêu quan điểm: Qua thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn Huỳnh Thị S đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật, tuy nhiên bị đơn Lâm Hồng K không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử đã xác định đúng quan hệ tranh chấp. Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc các bị đơn bà Huỳnh Thị S và ông Lâm Hồng K có trách nhiệm liên đới trả nguyên đơn số tiền là 438.000.000đ (bốn trăm ba mươi tám triệu đồng), quyết định về nghĩa vụ chịu án phí đối với đương sự theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Bà Hồ Thị Việt H khởi kiện, yêu cầu bà Huỳnh Thị S và ông Lâm Hồng K trả tiền vay tài sản có kỳ hạn, có lãi và tiền nợ hui. Đây là các giao dịch dân sự được quy định tại Điều 463, khoản 2 Điều 470 và Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà S và ông K thanh toán khoản tiền là 438.000.000đ (bốn trăm ba mươi tám triệu đồng), không yêu cầu tính lãi suất. Việc thay đổi này là hoàn toàn tự nguyện, không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi của nguyên đơn.

Bị đơn Lâm Hồng K đã được triệu tập hợp lệ hai lần tham gia phiên tòa, đều vắng mặt không có lý do nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc vắng mặt của mình. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật và Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung giải quyết:

[2.1] Đối với tiền vay: Bà Huỳnh Thị S thừa nhận có vay của bà H 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) nên bà H không phải chứng minh. Đây là hợp đồng vay có lãi, có kỳ hạn. Tuy nhiên, tại phiên tòa, anh S là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng ý không tính lãi suất đối với khoản vay trên. Từ các căn cứ nêu trên, đối chiếu với quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, có cơ sở khách quan để kết luận việc giao dịch dân sự giữa các bên đối với số tiền 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) là hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi. Riêng thời điểm cho vay và số tiền lãi bà S trình bày là vay năm 20/9/2018 (al) không phải vay năm 2019 như nguyên đơn trình bày, lãi suất là 3%/tháng tức là mỗi tháng đóng 4.500.000đ (bốn triệu năm trăm nghìn đồng) chia thành 2 lần vào ngày 10 và 20 hàng tháng và từ lúc vay đến khi bế hội, bà S đều đóng lãi hằng tháng không bỏ tháng nào. Tuy nhiên, lời trình bày của bà S không được người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thừa nhận và bà S không có chứng cứ gì chứng minh là mình có đóng lãi cho bà H đồng thời bà S cũng không yêu cầu gì đối với số tiền lãi mình đã đóng. Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chỉ yêu cầu bà S và ông K thanh toán số tiền vay là 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Đối với tiền hội: Xét khi giao kết hợp đồng hội, bà Hoa và bà Son là những người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, giao kết hợp đồng dựa trên cơ sở tự nguyện của hai bên được quy định tại các Điều 117 và 471 của Bộ luật dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, các đương sự đều thống nhất số tiền hội mà bà S còn nợ của bà H là 288.000.000đ (hai trăm tám mươi tám triệu đồng). Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà S đã có lỗi khi đơn phương chấm dứt hợp đồng (bà S tuyên bố vỡ hội không có khả năng trả nợ hội cho bà H), điều này đã gây thiệt thòi cho quyền lợi của bà H. Do đó, căn cứ vào Điều 471 của Bộ luật dân sự 2015 và các Điều 15 và 22, 27 và 29 của Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hội, biểu, phường; Điều 15, Điều 18 và điều 27 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hội, biểu, phường thì yêu cầu của bà H đòi bà S – ông K thanh toán số tiền nợ hội là 288.000.000đ (hai trăm tám mươi tám triệu đồng) là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Đối với hai khoản nợ nêu trên là 438.000.000đ (bốn trăm ba mươi tám triệu đồng), mặc dù bà S trình bày là tự bà giao dịch, ông Lâm Hồng K là chồng bà không có tham gia cũng không biết được việc này. Tuy nhiên bà S khẳng định việc vay mượn, hay kêu hội lấy tiền huê hồng cũng mục đích vì sinh hoạt cho gia đình chứ không phải bà S lấy tiền này làm việc trái pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy, khoản nợ nêu trên bà S nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình và ông K là chồng của bà S nên phải có nghĩa vụ liên đới cùng bà S trả các khoản nợ nêu trên cho bà H.

[2.4] Xét ý kiến của bị đơn xin trả mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng) cho đến khi dứt nợ, nếu nuôi tôm trúng thì trả nhiều hơn tùy theo khả năng. Hội đồng xét xử xét thấy, tại phiên tòa hôm nay, anh Nguyễn Duy S là người đại diện theo ủy quyền của bà H không đồng ý nên không thể xem xét cho bà Huỳnh Thị S.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bà H có đơn yêu cầu thi hành án, bà S và ông K phải trả lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

[3] Về án phí sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, bà Son và ông Khanh phải chịu toàn bộ án phí có giá ngạch tương ứng với nghĩa vụ thanh toán quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV. Cụ thể bà S và ông K phải liên đới chịu là 21.520.000đồng.

[4] Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có căn cứ pháp lý và cơ sở thực tiễn như đã nhận định ở trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đã nêu.

***Vì các lẽ trên;***

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92, khoản 1 và khoản 2 Điều 143, khoản 1 Điều 144, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 244, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 288, Điều 357, Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468, khoản 1 Điều 470, Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015;





hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

*Nơi nhận:*

- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh ST;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**VÕ THỊ HIẾU**